



BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nghiệp vụ văn phòng - 1105032

Mã lớp học phần: 110503201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998		6,6	Sáu sáu	C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995				C17TA	Nợ HP
3	1510130010	Dương Thị Mỹ Duyên	09/12/1996		9,0	Chín	C17TA	Nợ HP
4	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998		8,0	Tám	C18TA	
5	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998		7,5	Bảy rưỡi	C18TA	Nợ HP
6	1510130009	Trần Thị Thu Hồng	12/11/1995		7,7	Bảy bảy	C17TA	Nợ HP
7	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997		8,3	Tám ba	C17TA	Nợ HP
8	1510130048	Lê Ngọc Khánh Linh	20/07/1997		8,0	Tám	C17TA	Nợ HP
9	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/6/1998		7,6	Bảy sáu	C18TA	
10	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998		6,3	Sáu ba	C18TA	
11	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998		7,3	Bảy ba	C18TA	Nợ HP
12	1510130017	Phạm Minh Nhựt	07/4/1997		8,3	Tám ba	C17TA	
13	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998		8,3	Tám ba	C18TA	
14	1510130014	Phan Ngọc Tấn Sang	03/01/1997		7,5	Bảy rưỡi	C17TA	Nợ HP
15	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998		7,0	Bảy	C18TA	
16	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997		7,6	Bảy sáu	C17TA	Nợ HP
17	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998				C18TA	Nợ HP
18	1610130071	Phan Ngọc Đoan Trinh	07/06/1997		8,3	Tám ba	C18TA	Nợ HP
19	1510130013	Đinh Khả Tú	24/2/1996		8,0	Tám	C17TA	
20	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998		7,0	Bảy	C18TA	
21	1510130051	Hồ Thị Như Ý	10/01/1997		7,5	Bảy rưỡi	C17TA	Nợ HP
22	1510130038	Nguyễn Phan Như Ý	20/12/1997		9,0	Chín	C17TA	Nợ HP

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 2. Số bài thi/Số tờ: 20 / 20.

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: , %

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Minh

1/1

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Ths. Phạm Văn Dũng

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Nghiệp vụ văn phòng - 1105032

Mã lớp học phần: 110503201

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Phạm Văn Dũng

Ngày thi: 23/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: Trần T. N. Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Văn Quang Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C18TA	
2	1510130059	Nguyễn Thị Vân	19/4/1995	<u>[Signature]</u>		0	Không	C17TA	297124
3	1510130010	Dương Thị Mỹ Duyên	09/12/1996	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C17TA	296016
4	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy rưỡi	C18TA	
5	1610130068	Đặng Thị Thao Hiền	20/12/1998	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C18TA	
6	1510130009	Trần Thị Thu Hồng	12/11/1995	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C17TA	296516
7	1510130041	Trần Phạm Thanh Hương	07/5/1997	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu rưỡi	C17TA	297319
8	1510130048	Lê Ngọc Linh	20/07/1997	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C17TA	Nợ HP
9	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/6/1998	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C18TA	
10	1610130013	Mai Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C18TA	
11	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<u>[Signature]</u>		6	Sáu	C18TA	R Nợ HP
12	1510130017	Phạm Minh Nhựt	07/4/1997	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C17TA	
13	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998	<u>[Signature]</u>		9	Chín	C18TA	C
14	1510130014	Phan Ngọc Tấn Sang	03/01/1997	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy rưỡi	C17TA	297412
15	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C18TA	
16	1510130004	Trần Thị Minh Thư	18/3/1997	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C17TA	29738
17	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998	<u>[Signature]</u>		—	—	C18TA	29738
18	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997	<u>[Signature]</u>		5	Năm	C18TA	R HP
19	1510130013	Đinh Khả Tú	24/2/1996	<u>[Signature]</u>		8.5	Tám rưỡi	C17TA	
20	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C18TA	
21	1510130051	Hồ Thị Như Ý	10/01/1997	<u>[Signature]</u>		8	Tám	C17TA	296411
22	1510130038	Nguyễn Phan Như Ý	20/12/1997	<u>[Signature]</u>		7	Bảy	C17TA	297411

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 1 . Số bài thi/Số tờ: 21 / 21 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %